VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thông tư số 36/2021/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2021 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở

(Tiếp theo Công báo số 135 + 136)

CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHẦN THỨ HAI. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Lịch sử và Địa lí là môn học có vai trò quan trọng đối với việc hình thành, phát triển cho HV các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung và năng lực khoa học với biểu hiện đặc thù là năng lực lịch sử, năng lực địa lí; tạo tiền đề HV tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia đời sống lao động, trở thành những công dân có ích.

Lịch sử và Địa lí là môn học bắt buộc, được dạy học từ lớp 6 đến lớp 9. Môn học gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hóa, khoa học, tôn giáo,... Các mạch kiến thức lịch sử và địa lí được kết nối với nhau nhằm soi sáng và hỗ trợ lẫn nhau. Ngoài ra, môn học có thêm một số chủ đề mang tính tích hợp, như: bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; đô thị - lịch sử và hiện tại; văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; các cuộc đại phát kiến địa lí,...

2. Mục tiêu cụ thể

Môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.

Môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS hình thành, phát triển ở HV năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hóa diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HV biết cách

sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử, khoa học địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hóa nhân loại, khơi dậy ở HV ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử và Địa lí góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Phần thứ nhất: Những vấn đề chung của Chương trình GDTX cấp THCS.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển ở HV năng lực lịch sử, năng lực địa lí với các biểu hiện sau:

a) Năng lực lịch sử

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
TÌM HIỂU LỊCH SỬ	- Bước đầu nhận diện và phân biệt được: các loại hình và dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử. - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số loại tư liệu lịch sử đơn giản.

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
	- Bước đầu nhận diện và phân biệt được: các loại hình tư liệu lịch sử, các dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử. - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên trong các bài học lịch sử.
NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	- Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện và quá trình lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả có sử dụng sơ đồ, lược đồ, bản đồ lịch sử,... - Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử. - Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. - Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại của các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử. - Trình bày được chủ kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử,... như lập luận khẳng định hoặc phủ định các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử.

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG ĐÃ HỌC	- Sử dụng kiến thức lịch sử để giải thích, mô tả một số sự kiện, hiện tượng lịch sử trong cuộc sống. - Vận dụng được kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá tác động của một sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử đối với cuộc sống hiện tại. - Vận dụng được kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn, đồng thời giải thích các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.

b) Năng lực địa lí

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ	***Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian*** - Định hướng không gian: biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ. - Phân tích vị trí địa lí: biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế - xã hội. - Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí.

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
	- Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của dối tượng, hiện tượng địa lý. - Diễn đạt nhận thức không gian: sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó, hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.
	Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế - xã hội) - Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên + Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hóa của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hóa thiên nhiên Việt Nam. + Sơ đồ hóa để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên. + Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống.

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
	- Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế - xã hội + Mô tả được sự phân hóa không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hóa; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hóa đó qua một ví dụ cụ thể. + Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế. + Sơ đồ hóa để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế - xã hội. + Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế - xã hội. - Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất + Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục. + Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam. - Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
	+ Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
TÌM HIỂU ĐỊA LÍ	***Sử dụng các công cụ của địa lí học*** - Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam. - Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỷ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỷ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. - Tính toán, thống kê: kể được tên được một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế. - Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản.

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
	Tổ chức học tập ở thực địa Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật ký thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa.
	Khai thác Internet phục vụ môn học Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế - xã hội từ những trang web được giáo viên giới thiệu; biết xác định các từ khóa trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kỹ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG ĐÃ HỌC	***Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế*** Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí. ***Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn*** Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.

III. NỘI DUNG

1. Nội dung kiến thức khái quát

Môn Lịch sử và Địa lí gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hóa, khoa học, tôn giáo,... Các mạch kiến thức lịch sử và địa lí được kết nối với nhau nhằm soi sáng và hỗ trợ lẫn nhau:

Phần Địa lí: Nội dung từ địa lí đại cương đến địa lí khu vực và địa lí Việt Nam gồm: Trái Đất và cách thể hiện bề mặt Trái Đất - bản đồ, các chuyển động và cấu tạo của Trái Đất, các thành phần tự nhiên và mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên của Trái Đất. Thành phần nhân văn của môi trường; các môi trường địa lí, mối quan hệ qua lại giữa các thành phần của môi trường địa lí và hoạt động kinh tế của con người trong các môi trường địa lí. Đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội và các hoạt động kinh tế của con người ở các châu lục, các khu vực khác nhau trên Trái Đất. Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội của Việt Nam, của các vùng miền trên đất nước và của các địa phương nơi HV đang sinh sống.

Phần Lịch sử: Nội dung kiến thức Lịch sử theo tuyến tính thời gian từ nguyên thủy qua cổ đại, trung đại đến cận đại và hiện đại gồm: Lịch sử thế giới và Lịch sử Việt Nam. Trong từng thời kỳ có đan xen lịch sử thế giới, khu vực và lịch sử Việt Nam.

+ Phần Lịch sử thế giới: Xã hội nguyên thủy, Lịch sử thế giới trung đại, Lịch sử thế giới cận đại và Lịch sử thế giới hiện đại: Nguồn gốc loài người; xã hội nguyên thủy; xã hội cổ đại: Ai Cập và Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp và La Mã; Đông Nam Á từ thế kỷ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỷ X: Các quốc vương cổ đại Đông Nam Á; Tây Âu từ thế kỷ V đến nửa đầu thế kỷ XVI.

+ Phần Lịch sử Việt Nam: Việt Nam từ thế kỷ VII trước Công nguyên đến thế kỷ X: Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc; Thời kỳ Bắc thuộc; Việt Nam từ đầu thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX qua các triều đại: Ngô - Đinh - Tiền Lê; Thời Lý, thời Trần, Hồ, thời Lê sơ; Xung đột Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn, Phong trào Tây Sơn, nhà Nguyễn.

Ngoài ra, có thêm một số chủ đề mang tính tích hợp, như: bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; đô thị - lịch sử và hiện tại; văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; các cuộc đại phát kiến địa lí,...

2. Nội dung kiến thức cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 6

ĐỊA LÍ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?		
- Những khái niệm cơ bản và kỹ năng chủ yếu	- Nêu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kỹ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.	
- Những điều lí thú khi học môn Địa lí	- Giải thích được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.	
- Địa lí và cuộc sống	- Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT		
- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ	- Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.	
- Các yếu tố cơ bản của bản đồ	- Biết đọc các ký hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. - Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỷ lệ bản đồ.	
- Các loại bản đồ thông dụng	- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. - Biết tìm đường đi trên bản đồ.	
- Lược đồ trí nhớ	- Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân HV.	
TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI		
- Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời	- Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Hình dạng, kích thước Trái Đất	- Trình bày được hình dạng, kích thước Trái Đất.	
- Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	- Trình bầy được chuyển động của Trái Đất (quanh trục và quanh Mặt Trời). - Biết sử dụng địa bàn (la bàn) để xác định được phương hướng ngoài thực tế dùng địa bàn. - Nhận biết được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau. - Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.	
CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT		
- Cấu tạo của Trái Đất	- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.	
- Các mảng kiến tạo	- Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.	
- Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này	- Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này. - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi.	- Trình bày được quá trình nội sinh và ngoại sinh. - Trình bày được tác động của quá trình nội sinh và ngoại sinh đến địa hình bề mặt Trái Đất.	
- Các dạng địa hình chính	- Trình bày được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. - Biết đọc lát cắt địa hình đơn giản.	
- Khoáng sản	- Kể được tên một số loại khoáng sản.	
KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU		
- Các tầng khí quyển. Thành phần không khí	- Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu; Biết được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic.	
- Các khối khí. Khí áp và gió	- Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí. - Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.	
- Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu	- Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. - Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế. - Phân biệt được thời tiết và khí hậu. - Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu. - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.	
- Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó	- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.	
NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT		
- Các thành phần chủ yếu của thủy quyển - Vòng tuần hoàn nước	- Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.	
- Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ	- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước sông.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển	- Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. - Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển. - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.	
- Nước ngầm và băng hà	- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.	
ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT		
- Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất	- Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.	
- Các nhân tố hình thành đất	- Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.	
- Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất	- Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.	
- Sự sống trên hành tinh	- Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.	
- Sự phân bố các đới thiên nhiên	- Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.	
- Rừng nhiệt đới	- Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. Liên hệ kể tên các rừng nhiệt đới của Việt Nam.	
CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN		
- Dân số thế giới - Sự phân bố dân cư thế giới	- Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. - Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.	
- Con người và thiên nhiên	- Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. - Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.	
- Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững	- Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương.	

LỊCH SỬ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?		
- Lịch sử là gì?	- Nêu được khái niệm lịch sử và môn lịch sử. - Trình bày được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. - Giải thích được ý nghĩa của việc học môn Lịch sử	
- Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?	- Phân biệt được khái niệm, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,…)	
- Thời gian trong lịch sử	- Nêu được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỷ, thế kỷ, thiên niên kỷ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...	Biết cách tính âm lịch, dương lịch.
THỜI NGUYÊN THỦY		
- Nguồn gốc loài người	- Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hóa từ vượn người thành người trên Trái Đất: - Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á.	Trình bày nguồn gốc loài người, quá trình tiến hóa từ vượn thành người.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam.	
- Xã hội nguyên thủy	Nêu được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy: - Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...). - Trình bày được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người. - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.	Trình bày những đặc điểm cơ thể của người Tối cổ và người tinh khôn.
- Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp - Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy	- Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp - Nêu được sự hình thành xã hội có giai cấp. - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã.	Giải thích vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến xã hội từ nguyên thủy.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy. - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.	
XÃ HỘI CỔ ĐẠI		
- Ai Cập và Lưỡng Hà	- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà: - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Ai Cập, Lưỡng Hà: Sáng tạo ra lịch, chữ viết, toán học, kiến trúc, điêu khắc. Liên hệ kể tên được những thành tựu văn hóa còn tồn tại đến ngày nay.	Trình bày sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. Các thành tựu văn hóa chủ yếu còn tồn tại đến hiện nay.
- Ấn Độ	- Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng. - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ: sáng tạo ra lịch, chữ số, chữ viết, tôn giáo, kiến trúc, điêu khắc, văn học… Liên hệ những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến Việt Nam.	
- Trung Quốc	- Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. - Trình bày được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng. - Trình bày được sơ đồ trục thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy. - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc: Chữ viết, văn học, tôn giáo, các học thuyết tư tưởng chính trị và triết học. Liên hệ kể tên những ảnh hưởng của văn minh Trung Quốc đến Việt Nam.	
- Hy Lạp và La Mã	- Trình bày được tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã. - Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã: chữ viết, văn học, khoa học, kiến trúc, điêu khắc… Liên hệ kể tên được những thành tựu văn hóa còn tồn tại đến ngày nay.	
ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỶ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỶ X		
- Khái lược về khu vực Đông Nam Á	- Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á. Xác định vị trí của các nước Đông Nam Á hiện nay trên bản đồ. - Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỷ VII.	
- Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á	- Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỷ VII đến thế kỷ X ở Đông Nam Á.	
- Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỷ X	- Trình bày được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỷ X: Chữ viết, tôn giáo, kiến	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	trúc, điêu khắc… Liên hệ kể tên được những thành tựu văn hóa còn tồn tại đến ngày nay.	
VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỶ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ X		
- Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc + Nhà nước Văn Lang + Nhà nước Âu Lạc	- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ. - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. - Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. - Kể tên được những di sản về đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc còn tồn tại đến ngày nay tại địa phương.	
- Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỷ II trước Công nguyên đến năm 938 + Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc	- Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kỳ Bắc thuộc.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
+ Sự chuyển biến về kinh tế, văn hóa trong thời kỳ Bắc thuộc	- Nêu được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa ở Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc.	
+ Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc	- Trình bày được những nét chính về nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...).	Trình bày nguyên nhân, kết quả và phân tích được ý nghĩa một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
	- Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của nhân dân Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc.	Liên hệ nét đẹp văn hóa còn tồn tại đến ngày nay.
	- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.	
+ Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỷ X	- Trình bày được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.	Đánh giá nghệ thuật đánh giặc độc đáo của Ngô Quyền.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.	
- Vương quốc Champa	- Trình bày những nét chính về sự thành lập, quá trình phát triển của Vương quốc Champa. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Vương quốc Champa. - Nêu được một số thành tựu văn hóa của Vương quốc Champa. Kể tên thành tựu văn hóa Champa còn tồn tại đến ngày nay tại một số địa phương.	
- Vương quốc Phù Nam	- Trình bày được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Vương quốc Phù Nam. - Nêu được một số thành tựu văn hóa của Vương quốc Phù Nam. Kể tên những thành tựu văn hóa Vương quốc Phù Nam còn tồn tại đến ngày nay.	Trình bày sơ lược sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam.

LỚP 7

ĐỊA LÍ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHÂU ÂU		
- Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.	
- Đặc điểm tự nhiên	- Trình bày được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm khí hậu châu Âu; xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga); các đới thiên nhiên.	
- Đặc điểm dân cư, xã hội	- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hóa ở châu Âu.	
- Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	- Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.	
- Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)	- Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHÂU Á		
- Vị trí địa lí, phạm vi châu Á	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.	
- Đặc điểm tự nhiên	- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.	
- Đặc điểm dân cư, xã hội	- Trình bày được đặc điểm dân cư; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.	
- Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á	- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.	
- Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á	- Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore).	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHÂU PHI		
- Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.	
- Đặc điểm tự nhiên	- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...).	
- Đặc điểm dân cư, xã hội	- Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự,...).	
- Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	- Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.	
- Khái quát về Cộng hòa Nam Phi	- Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hòa Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHÂU MỸ		
- Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ	- Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.	
- Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ) - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ	***Bắc Mỹ:*** - Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên. - Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hóa. - Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu M. - Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng.	
	Trung và Nam Mỹ: - Trình bày được sự phân hóa tự nhiên theo chiều Đông - Tây, theo chiều Bắc - Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon. - Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hóa, văn hóa Mỹ Latinh.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Trình bày được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon.	
CHÂU ĐẠI DƯƠNG		
- Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương	- Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia.	
- Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia	- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. - Trình bày được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia.	
- Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	- Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hóa độc đáo của Australia. - Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia.	
CHÂU NAM CỰC		
- Vị trí địa lí của châu Nam Cực	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.	
- Lịch sử phát kiến châu Nam Cực	- Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực	- Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực. - Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.	

LỊCH SỬ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
TÂY ÂU TỪ THẾ KỶ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XVI		
- Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu	- Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu. - Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. - Nêu được vai trò của thành thị trung đại. - Trình bày được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.	Nêu vai trò và ý nghĩa sự ra đời của thành thị trung đại.
- Văn hóa Phục hưng	- Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế - xã hội của Tây Âu từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVI.	Nêu những thành tựu tiêu biểu của văn hóa Phục

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hóa Phục hưng. Kể tên những thành tựu tiêu biểu của Văn hóa Phục hưng còn tồn tại hiện nay.	hưng và ý nghĩa tác động của nó đối với xã hội Tây Âu
	- Nêu được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hóa Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.	
- Cải cách tôn giáo	- Trình bày được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo. - Trình bày được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo. - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.	Trình bày các nội dung cơ bản của cải cách tôn giáo và tác động đối của nó với xã hội Tây Âu
- Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại	- Trình bày được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.	
TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỶ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX		
- Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX	- Vẽ được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).	Nêu một số thành tựu văn hóa, kinh tế của Trung Quốc dưới thời Đường.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX	- Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường. - Trình bày được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh - Thanh. - Trình bày và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...). Liên hệ kể tên được những thành tựu văn hóa còn tồn tại đến ngày nay.	
ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỶ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX		
- Vương triều Gupta - Vương triều Hồi giáo Delhi - Đế quốc Mogul	- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ. - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul. - Trình bày và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hóa của Ấn Độ từ thế kỷ IV đến giữa thế kỷ XIX. Liên hệ kể tên được những thành tựu văn hóa của Ấn Độ còn tồn tại đến ngày nay.	Khái quát về vương triều Gupta và những thành tựu tiêu biểu của văn hóa Ấn Độ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỶ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XVI		
- Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVI	- Nêu được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVI. - Nêu và nhận xét được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVI. Liên hệ kể tên được những thành tựu văn hóa còn tồn tại đến ngày nay.	
- Vương quốc Campuchia	- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia. - Chỉ ra được biểu hiện sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor. - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hóa của Vương quốc Campuchia. Liên hệ kể tên được những thành tựu văn hóa còn tồn tại đến ngày nay.	
- Vương quốc Lào	- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào. - Chỉ ra được biểu hiện sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hóa của Vương quốc Lào. Liên hệ kể tên được những thành tựu văn hóa còn tồn tại đến ngày nay.	
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XVI		
- Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô - Đinh - Tiền Lê	- Nêu được những nét chính về thời Ngô. - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh. - Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981. - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô - Đinh - Tiền Lê. - Nhận biết được đời sống xã hội, văn hóa thời Ngô - Đinh - Tiền Lê.	
- Việt Nam từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XIII: thời Lý	- Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn. - Trình bày được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý.	Đánh giá sự kiện đời đô của Lý Công Uẩn; công lao, vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Nhận xét được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077). - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hóa, giáo dục thời Lý (Văn Miếu - Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...) đang còn tồn tại hiện nay tại địa phương.	chiến chống Tống. Những thành tựu kinh tế, văn hóa tiêu biểu của thời Lý.
- Việt Nam từ thế kỷ XIII đến đầu thế kỷ XV: thời Trần, Hồ + Thời Trần	- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần. - Vẽ được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên.	
	- Trình bày được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.	
	- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa và đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	Tông,.... Kể tên các đền thờ danh tướng nhà Trần hiện nay tại địa phương.	
+ Thời Hồ	- Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ. - Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ. - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh. - Trình bày được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.	
- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)	- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Trình bày được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...	Trình bày nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn và vai trò của các nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi; Nguyễn Trãi.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Việt Nam thời Lê sơ (1428 - 1527)	Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ. - Nêu được tình hình kinh tế - xã hội thời Lê sơ. - Trình bày được sự phát triển văn hóa, giáo dục và một số danh nhân văn hóa tiêu biểu thời Lê sơ. Liên hệ kể tên các danh nhân văn hóa thời Lê sơ tại địa phương.	Trình bày sự phát triển kinh tế - xã hội; thành tựu văn hóa, giáo dục tiêu biểu thời Lê sơ.
- Vùng đất phía nam từ đầu thế kỷ X đến đầu thế kỷ XVI	Trình bày được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hóa ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỷ X đến đầu thế kỷ XVI.	

CHỦ ĐỀ CHUNG

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ		
- Nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lí - Một số cuộc đại phát kiến địa lí	- Trình bày được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí. - Trình bày được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 - 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 - 1522).	Trình bày những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí và tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử	- Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.	
ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (1)		
- Các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại	- Trình bày được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể).	
- Các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân	- Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh Cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.	

LỚP 8
ĐỊA LÍ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM		
- Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam	- Nêu được sự ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.	
ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM		
- Đặc điểm chung của địa hình	- Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.	
- Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình	- Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa.	
- Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế	- Nêu được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hóa địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.	
- Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu	- Trình bày được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Kể tên các loại khoáng sản chủ yếu tại địa phương.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM		
- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hóa đa dạng	- Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam. - Phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau. - Phân tích được sự phân hóa đa dạng của khí hậu Việt Nam.	
- Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam	- Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam. - Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu	
- Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn	- Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn. - Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.	
- Hồ, đầm và nước ngầm	- Trình bày được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta	- Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp và du lịch ở nước ta. - Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.	
ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM		
- Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng	- Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.	
- Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính	- Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.	
- Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam	- Trình bày được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp. - Trình bày được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản. - Phân tích được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất.	
- Đặc điểm chung của sinh vật	- Trình bày được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	- Phân tích được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.	
BIỂN ĐẢO VIỆT NAM		
- Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam	- Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.	
- Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông	- Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; trình bày được các khái niệm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).	
- Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam	- Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. - Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.	

LỊCH SỬ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU THẾ KỶ XVI ĐẾN THẾ KỶ XVIII		
- Cách mạng tư sản Anh	- Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII.	Trình bày đặc điểm chính; phân tích ý nghĩa và tính chất của các cuộc cách mạng tư sản.
- Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. - Cách mạng tư sản Pháp	- Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của cách mạng tư sản. - Nêu được một số đặc điểm chính của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở Anh, Pháp, Mỹ.	
- Cách mạng công nghiệp	- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp. - Nêu được những tác động quan trọng của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống.	Trình bày ý nghĩa tác động của cuộc cách mạng công nghiệp.
ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỶ XVI ĐẾN THẾ KỶ XIX		
- Quá trình xâm lược Đông Nam Á của thực dân phương Tây	- Trình bày được những nét chính trong quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của các nước Đông Nam Á	- Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây.	
- Cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á	- Trình bày được những nét chính về cuộc đấu tranh của các nước Đông Nam Á chống lại ách đô hộ của thực dân phương Tây.	
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XVI ĐẾN THẾ KỶ XVIII		
- Xung đột Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn	- Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc. - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn. - Nêu được hệ quả của xung đột Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn.	Trình bày nguyên nhân và hệ quả của xung đột Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn.
- Những nét chính trong quá trình mở cõi từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII	- Trình bày được quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỷ XVI - XVIII. - Nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỷ XVIII	- Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỷ XVIII. - Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỷ XVIII.	
- Phong trào Tây Sơn	- Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ và mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê; đánh bại quân Xiêm xâm lược (1785) và đại phá quân Thanh xâm lược (1789),... - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong phong trào Tây Sơn. - Sưu tầm những địa danh hiện nay đặt tượng đài Nguyễn Huệ.	Đánh giá vai trò của phong trào Tây Sơn và công lao của Nguyễn Huệ đối với lịch sử dân tộc.
- Kinh tế, văn hóa, tôn giáo trong các thế kỷ XVI - XVIII	- Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế. - Nêu và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hóa và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỷ XVI - XVIII.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỶ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX		
- Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc	- Trình bày được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc.	
- Các nước Âu - Mỹ từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.	- Trình bày được những nét chính về Công xã Paris (1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới - nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới. - Nêu được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.	
- Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Marx	- Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân. - Trình bày được một số hoạt động chính của Karl Marx, Friedrich Engels và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. - Trình bày được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX (phong trào công nhân, sự ra đời và hoạt động của các Đảng và các tổ chức cộng sản,...).	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)	- Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất. - Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) đối với lịch sử nhân loại.	
- Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917	- Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.	
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KỶ XVIII - XIX		
- Một số thành tựu khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật của nhân loại trong các thế kỷ XVIII -XIX - Tác động của sự phát triển khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỷ XVIII - XIX	- Trình bày được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỷ XVIII - XIX. - Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỷ XVIII - XIX.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHÂU Á TỪ NỬA SAU THẾ KỶ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX		
- Trung Quốc	- Trình bày được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc. - Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.	Phân tích ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.
- Nhật Bản	- Nêu được những nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị. - Trình bày được ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị. - Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.	Phân tích ý nghĩa của cuộc Minh trị Duy Tân và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.
- Ấn Độ	- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỷ XIX.	
- Đông Nam Á	- Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX		
- Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX	- Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn. - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn. Đánh giá vai trò của nhà Nguyễn trong việc thống nhất Việt Nam về mặt hành chính. - Trình bày được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn.	
- Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX	Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 - 1884). - Nêu được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước. - Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế.	Trình bày quá trình xâm lược của thực dân Pháp và một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của phong trào Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Việt Nam đầu thế kỷ XX	- Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam. - Trình bày được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành. Liên hệ kể tên các trường học, đường phố, đền thờ tại địa phương mang tên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành.	

CHỦ ĐỀ CHUNG

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (1)		
- Quá trình hình thành và phát triển châu thổ; chế độ nước của các dòng sông chính	- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính.	
- Quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự các dòng sông	- Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (1)		
- Phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam	- Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).	
- Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển, đảo	- Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	
- Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam	- Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.	

LỚP 9

ĐỊA LÍ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM		
- Thành phần dân tộc	- Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.	
- Gia tăng dân số ở các thời kỳ	- Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.	
- Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính	- Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.	
- Phân bố dân cư	- Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư.	
- Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn	- Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.	
- Lao động và việc làm	- Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương.	
- Chất lượng cuộc sống	- Nhận xét được sự phân hóa thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước.	
ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ		
NÔNG, LÂM, THỦY SẢN		

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản	- Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.	
- Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản	- Trình bày được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản. - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.	
- Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh	- Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.	
CÔNG NGHIỆP		
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp	- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.	
- Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu	- Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.	
- Vấn đề phát triển công nghiệp xanh	- Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.	
DỊCH VỤ		
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ	- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.	
- Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	- Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính. - Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.	
- Thương mại, du lịch	- Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.	
SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ		
VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ		

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.	
- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của vùng; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm - nông - thủy sản, du lịch.	
- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	- Trình bày được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).	
- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	- Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).	
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG		
- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.	
- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	- Trình bày được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông - lâm - thủy sản; vấn đề phát triển kinh tế biển.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	- Trình bày được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Phân tích được vấn đề đô thị hóa ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.	
- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	- Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).	
- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	- Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.	
VÙNG BẮC TRUNG BỘ		
- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Kể tên các tỉnh thuộc vùng bắc trung bộ.	
- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	- Trình bày được đặc điểm phân hóa của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng. - Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	- Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ.	
- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	- Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ: du lịch, kinh tế biển, phát triển nông, lâm nghiệp, công nghiệp, (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).	
VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ		
- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Kể tên các tỉnh thuộc vùng bắc trung bộ.	
- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	- Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính.	
- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	- Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.	
- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	- Phân tích được những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của vùng. - Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	- Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.	
VÙNG TÂY NGUYÊN		
- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Kể tên các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên.	
- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	- Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.	
- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	- Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên.	
- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	- Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên; các vấn đề môi trường trong phát triển.	
VÙNG ĐÔNG NAM BỘ		
- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Kể tên các tỉnh thuộc vùng bắc trung bộ.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.	
- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	- Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hóa ở vùng Đông Nam Bộ.	
- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	- Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).	
- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	- Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.	
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG		
- Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Kể tên các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long.	
- Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	- Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	- Trình bày được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.	
- Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	- Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó.	
- Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long	- Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	
PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO		
- Biển và đảo Việt Nam	- Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó.	
- Phát triển tổng hợp kinh tế biển	- Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	
- Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo	- Trình bày được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường biển nước ta.	

LỊCH SỬ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945		
- Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945	- Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập. - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.	
- Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945	- Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 - 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.	
- Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945	- Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.	
- Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)	- Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước trong Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.	
VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945		
- Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930	- Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930.	
- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	- Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930.	Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Trình bày được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	
- Phong trào cách mạng Việt Nam thời kỳ 1930 - 1939	- Trình bày được những nét chính của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 - 1939: Hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa.	
- Cách mạng tháng Tám năm 1945	- Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp - Nhật Bản. - Trình bày được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	Trình bày thời cơ cách mạng tháng Tám năm 1945; sự lãnh đạo của Đảng trong việc chuyển hướng chiến lược và sự chuẩn bị của nhân dân tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền; Nêu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Tám năm 1945.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.	
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991		
- Chiến tranh lạnh (1947 - 1989)	- Nêu được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.	
- Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991	- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Liên hệ những tác động đối với Việt Nam thời kỳ này.	
- Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991	- Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
- Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991	- Trình bày được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba. Liên hệ kể tên những giúp đỡ của Cuba đối với Việt Nam.	
- Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991	- Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Liên hệ Vai trò của Việt Nam trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.	
VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991		
- Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám	- Nêu được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ.	
- Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954	- Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). - Nêu và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.	
	- Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).	
- Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975	- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...).	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Trình bày được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...). - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	
- Việt Nam trong những năm 1976 - 1991	- Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 - 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 - 1985. - Trình bày được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 - 1991. - Nhận xét được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.	
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY		
- Trật tự thế giới mới	- Nêu được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.	
- Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay	- Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.	
- Nước Mỹ từ năm 1991 đến nay - Châu Á từ năm 1991 đến nay	- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. - Nêu được sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. - Trình bày được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY		
- Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay - Thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay	- Nêu được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,…) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.	
CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA		
	- Trình bày được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam.	Trình bày những tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế toàn cầu hóa đối với Việt Nam.
	- Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hóa và đánh giá được tác động của toàn cầu hóa đối với thế giới và Việt Nam.	

CHỦ ĐỀ CHUNG

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (2)		
- Các đô thị hiện đại	- Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng.	
- Xu hướng đô thị hóa trên thế giới	- Trình bày được quá trình đô thị hóa thời kỳ xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.	
- Đô thị hóa ở Việt Nam; đô thị và phát triển vùng	- Nêu được tác động của đô thị hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.	
VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (2)		
- Văn minh các dòng sông	- Trình bày được những nét đặc sắc về văn hóa ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.	
- Biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại	- Nêu được những biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại. - Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.	
BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (2)		
- Chứng cứ lịch sử, pháp lý về chủ quyền biển đảo của Việt Nam	- Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lý về chủ quyền biển đảo Việt Nam.	
- Vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam	- Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

a) Đề cao vai trò chủ thể học tập của người học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để HV có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hóa cần thiết cho bản thân.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HV và điều kiện cụ thể. Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HV với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến đề cao vai trò chủ thể học tập của HV (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Đa dạng hóa và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học ngoài thực địa, học theo dự án học tập,... Chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc trưng môn học.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lí và có hiệu quả các thiết bị dạy học như: mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...; bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh,...; phim video; các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; phần mềm dạy học,... nhằm minh họa bài giảng của giáo và hỗ trợ các hoạt động học tập của HV.

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho HV

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua nội dung môn học và các hoạt động thu thập, phân tích dữ liệu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa, tiếp xúc với các nhân chứng lịch sử,… hình thành và bồi dưỡng ở HV nhận thức và tình cảm về lịch sử nhân loại, về quá trình

đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, về mối quan hệ giữa xã hội và môi trường, về sự lựa chọn các con đường phát triển của các quốc gia, về đất nước và con người Việt Nam. Từ đó, hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất yêu nước, yêu quê hương, yêu thiên nhiên; ý thức, niềm tin và hành động trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hóa nhân loại; biết yêu quý người lao động, tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau, rèn luyện sự tự tin, trung thực, khách quan.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học được hình thành, phát triển ở HV thông qua việc tự tổ chức, quản lí các hoạt động học tập; tự tìm kiếm, tổ chức và phân tích nguồn thông tin, tri thức bổ sung; đặt và trả lời các câu hỏi lịch sử và địa lí; thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa và trong các tình huống làm việc độc lập khác.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác được hình thành và phát triển ở HV thông qua việc thực hiện và phối hợp cùng các thành viên khác trong nhóm, trong lớp thực hiện những nhiệm vụ được phân công trong học tập, thảo luận, nghiên cứu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa,…

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành, phát triển ở HV thông qua việc thực hiện các hoạt động học tập tích cực, như: nghiên cứu tài liệu, thu thập và phân tích tư liệu, làm dự án nghiên cứu, thuyết trình, tranh luận,…

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử, năng lực địa lí

a) Phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử

Năng lực lịch sử của HV được hình thành, phát triển thông qua việc tổ chức, hướng dẫn HV đọc hiểu, giải mã các văn bản lịch sử (kênh hình, kênh chữ, hiện vật lịch sử,...), từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy

luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự tiến hóa của sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử và quá trình phát triển lịch sử; trở thành "người đóng vai lịch sử", hay "người làm lịch sử" để khám phá kiến thức lịch sử, vận dụng sáng tạo những hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội Việt Nam và thế giới vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Phương pháp hình thành, phát triển năng lực địa lí

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HV, giáo viên lựa chọn các kiến thức thực tế tiêu biểu, sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan như mô hình, bản đồ, video clip,… để hình thành các biểu tượng địa lí;… hướng dẫn HV học từ thấp đến cao về các mối liên hệ và quan hệ nhân quả diễn ra trong thiên nhiên, trong xã hội và trong mối quan hệ giữa xã hội, con người và môi trường.

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HV, giáo viên hướng dẫn HV tham gia vào quá trình tìm kiếm, sắp xếp, phân tích thông tin bằng cách khai thác tri thức từ các nguồn tư liệu bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu,… kết hợp với quan sát thực địa; chú trọng phát triển tư duy không gian, với các câu hỏi: "Cái gì?", "Ở đâu?", "Như thế nào?", "Các hình mẫu không gian?", "Các đặc trưng của một địa phương, quốc gia?"; khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của HV đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, thái độ tích cực đối với phát triển bền vững; rèn luyện khả năng và thói quen liên hệ với thực tế địa phương, đất nước để phát triển tư duy địa lí;…

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để học địa lí là rèn luyện kỹ năng sử dụng các công cụ học tập như: bản đồ, atlat, biểu đồ, bảng số liệu thống kê, một số ứng dụng trong điện thoại như la bàn, bản đồ chỉ đường, hệ thống định vị toàn cầu, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế,… tranh ảnh, đĩa DVD tra cứu các tài liệu đa phương thức, sách e-book,...

Các hình thức tổ chức dạy học cũng cần được đa dạng hóa: kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, trên thực địa, học theo dự án học tập,...

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Đánh giá kết quả giáo dục trong Chương trình môn Lịch sử và Địa lí phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Lịch sử và Địa lí và sự tiến bộ của HV để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của người học.

- Căn cứ đánh giá là yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù lịch sử và địa lí được qui định trong phần chung của Chương trình GDTX cấp THCS và chương trình môn Lịch sử và Địa lí;

- Bên cạnh nội dung lý thuyết, cần tăng cường đánh giá các kỹ năng của HV như: làm việc với bản đồ, atlat, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hóa thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử hay địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HV bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để HV được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HV.

- Chương trình môn Lịch sử và Địa lí sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của HV. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng liệt kê dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng liệt kê hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HV.

Mức độ	**Động từ mô tả mức độ**
Biết	- Kể tên được (các loại khoáng sản); nêu được (một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc; hệ quả của cải cách tôn giáo); phát biểu được định nghĩa (một thuật ngữ, khái niệm); liệt kê được (sự kiện, sự vật, nhân vật); ghi lại/kể lại được; đưa ra được dẫn chứng; lấy ví dụ chứng minh,… - Xác định được (vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời; một/một số đối tượng địa lí trên bản đồ, lược đồ); đặt đúng vị trí (đối tượng trên bản đồ, sơ đồ); điền (vào chỗ trống, ô trống các từ ngữ phù hợp); nối (các đường còn thiếu trong sơ đồ); nối cặp (các từ có quan hệ logic nào đó),… - Tìm kiếm thông tin (bài viết, hình ảnh bằng công cụ tìm kiếm, sử dụng từ khóa); tìm kiếm (đối tượng, đường đi trên bản đồ),…

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Hiểu	- Trình bày được (cấu tạo bên trong Trái Đất; sự phân bố đối tượng địa lí); nêu/trình bày được (đặc điểm phân bố các trung tâm công nghiệp chính; những sự kiện chủ yếu); đọc bản đồ, mô tả được (thiên nhiên dọc theo một lát cắt trên bản đồ; các đối tượng địa lí gặp trên một tuyến du khảo bằng đường bộ); vẽ biểu đồ đơn giản (không cần xử lí số liệu); lập được (sơ đồ tiến trình lịch sử, sơ đồ diễn biến chính của cuộc chiến đấu); mô tả được (đời sống vật chất và tinh thần); sử dụng lược đồ (giới thiệu hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí); giới thiệu được (những biến đổi quan trọng về xã hội),… - Phân tích được tác động, mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả (giữa các thành phần/quá trình địa lí tự nhiên; giữa các quá trình kinh tế - xã hội; của tự nhiên lên sản xuất xã hội; của con người lên tự nhiên); phân tích được nguyên nhân thành công hay thất bại (của một biến cố lịch sử, một phong trào); trình bày được (mối quan hệ giữa đô thị và các nền văn minh cổ đại),… - Phân biệt được (các dạng địa hình; phương thức khai thác tự nhiên); so sánh được (đặc điểm khí hậu của hai địa điểm; phân bố dân cư của hai vùng); xếp thứ tự từ cao xuống thấp (mật độ dân số của các tỉnh, thành phố; giá trị sản xuất công nghiệp của các tỉnh/thành phố); nhận định; phân nhóm/lựa chọn được các đối tượng (theo một bộ tiêu chí và chỉ tiêu nào đó; ví dụ lựa chọn các tỉnh có

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
	nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội, lập luận tại sao lại chọn như vậy); đánh giá được (ý nghĩa và tác động của sự kiện),…
Vận dụng	- Xác định được (phương hướng ngoài thực địa, giờ địa phương); tìm hiểu (thông qua tài liệu và tham quan) về một vấn đề, một chủ đề lịch sử và địa lí; liên hệ (thực tế địa phương); đặt câu hỏi (về một vấn đề); khám phá,… - Trình bày được (một số biện pháp phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu ở một vùng cụ thể); vận dụng được (điều đã học) vào trường hợp cụ thể, hoàn cảnh cụ thể; đề xuất được (giải pháp); đưa ra được (khuyến nghị). - Xây dựng/vẽ được (lược đồ trí nhớ để tổng kết nội dung bài học, biểu đồ thích hợp); sơ đồ hóa (một hiện tượng, quá trình, mối quan hệ nhân quả); xây dựng được hồ sơ tư liệu (về một vấn đề); đọc Atlat (khai thác thông tin từ các trang bản đồ khác nhau) để trình bày được (một vấn đề về sự phát triển và phân bố một ngành kinh tế, về đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của một lãnh thổ); viết được một báo cáo ngắn (trên cơ sở thu thập và phân tích, tổng hợp thông tin từ các nguồn khác nhau); thuyết trình được về một vấn đề bằng PowerPoint (là kết quả làm việc cá nhân hay làm việc nhóm); tranh luận (về một vấn đề); lên kế hoạch (một chuyến tham quan học tập trong ngày dưới sự chỉ dẫn của giáo viên); thiết kế được (một áp phích về bảo vệ môi trường),…

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hướng dẫn chung

Ở cấp THCS, HV sẽ được học lịch sử từ nguyên thủy cho đến ngày nay. Do đó, những sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu của lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc được sắp xếp theo lịch đại. Sự khác biệt về mức độ trong Chương trình THCS không phải chỉ ở khối lượng nội dung, ở chi tiết các sự kiện lịch sử, mà điều chủ yếu là mức độ nhận thức rất cơ bản về bản chất của các sự kiện lịch sử, về nguyên nhân của các biến chuyển lịch sử, của sự đa dạng các mô hình xã hội, về lí luận nhận thức xã hội và ở sự chú trọng rèn luyện các kỹ năng học tập, vận dụng kiến thức vào các tình huống mới.

Ở cấp THCS, căn cứ vào tâm lý lứa tuổi của người học và đặc điểm môn học, phân môn Địa lí được phát triển theo logic: từ địa lí tự nhiên đại cương ở lớp 6 đến địa lí các châu lục ở lớp 7, sau đó đến địa lí tự nhiên Việt Nam (lớp 8) và địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (lớp 9). Logic này đảm bảo khi hoàn thành chương trình môn học ở THCS, HV sẽ có kiến thức cơ bản và phổ thông về địa lí học, đặc biệt là về địa lí Việt Nam để học tiếp trung học phổ thông hay tham gia lao động.

Trong dạy học địa lí, quá trình hình thành khái niệm cơ bản thường là đi từ biểu tượng địa lí đến khái niệm địa lí. Việc hình thành biểu tượng địa lí càng có ý nghĩa quan trọng đối với các HV lớp 6, lớp 7; bảo đảm cho HV dễ ghi nhớ các biểu tượng và các khái niệm, kết nối được khái niệm với cuộc sống thực tế. Hình thành khái niệm cơ bản là một quá trình, trong một số trường hợp phải thông qua nhiều bài, nhiều chương. Có những khái niệm được hình thành từng bước trong cả một cấp học, một chương trình môn học. Đây là điều mà giáo viên cần lưu ý khi dạy học, để tránh

quá tải ở lớp dưới, và tạo sự liên kết dọc giữa các lớp. Nhiều khái niệm địa lí tự nhiên đại cương chỉ được hình thành bước đầu ở lớp 6, sau đó được phát triển thêm ở lớp 7, lớp 8. Ví dụ, khái niệm về hoàn lưu khí quyển ở lớp 6 chỉ được trình bày qua sơ đồ về các vành đai khí áp và gió. Khái niệm về hoàn lưu khí quyển được sử dụng và phát triển khi HV học Địa lí 7, chẳng hạn như hoàn lưu gió mùa được nói đến ở khu vực châu Á gió mùa. Còn các khái niệm liên quan đến front hay hội tụ nhiệt đới có thể được sử dụng khi HV học ở lớp 8, lớp 9 về địa lí Việt Nam. Một số khái niệm về địa lí kinh tế - xã hội có thể được đề cập ở chừng mực đơn giản ở lớp 7, được sử dụng ở cấp độ cao hơn khi học về địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam ở lớp 9. Những khái niệm có tính liên môn càng đòi hỏi thời gian dài hơn để hình thành và phát triển.

2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng dành cho môn học là 105 tiết/lớp/năm học. Số tiết dành cho các mạch nội dung trong bảng sau:

Mạch nội dung	**Lớp 6**	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**	**Toàn cấp (Số tiết)**
Địa lí	**49**	**44**	**44**	**43**	**180**
Địa lí tự nhiên đại cương	47				
Địa lí các châu lục		44			
Địa lí tự nhiên Việt Nam			44		
Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam				43	

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Toàn cấp (Số tiết)
Lịch sử	**48**	**44**	**44**	**43**	**179**
Lịch sử Thế giới	23	21	21	19	
Lịch sử Việt Nam	25	23	23	22	
Chủ đề chung		**9**	**9**	**11**	**29**
Đánh giá định kì	**8**	**8**	**8**	**8**	**32**
Tổng cộng:	**105**	**105**	**105**	**105**	**420**

3. Tích hợp trong dạy học

a) Tích hợp nội môn

Tích hợp nội môn ở phân môn Lịch sử thể hiện rõ mối quan hệ giữa bản chất của khoa học lịch sử với những ưu tiên trong giáo dục lịch sử. Trục xuyên suốt Chương trình Lịch sử ở THCS là lịch đại (thời gian), vì thế, ở mỗi giai đoạn lịch sử đều thiết kế theo mô hình: lịch sử thế giới - lịch sử khu vực - lịch sử Việt Nam - lịch sử địa phương, trong đó lấy lịch sử Việt Nam làm trọng tâm. Ở lớp 6, HV học về lịch sử thế giới và Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thời cổ đại, ở lớp 7 học về lịch sử thế giới và Việt Nam thời cổ đại đến thời trung đại, ở lớp 8 học về lịch sử thế giới và Việt Nam từ thời trung đại đến thời cận đại, ở lớp 9 học về lịch sử thế giới và Việt Nam thời hiện đại. Việc đặt lịch sử Việt Nam trong bối

cảnh của lịch sử thế giới và khu vực trong những thời đại và giai đoạn lịch sử nhất định không chỉ giúp HV hiểu sâu sắc hơn lịch sử dân tộc, mà còn giúp HV hiểu đúng vị trí của Việt Nam trong tiến trình lịch sử nhân loại, những đóng góp của dân tộc Việt Nam đối với những tiến bộ của xã hội loài người, từ đó xây dựng niềm tự hào dân tộc và ý thức dân tộc chính đáng. Cấu trúc chương trình cũng tạo điều kiện để gắn kết lịch sử địa phương với lịch sử dân tộc, lịch sử quân sự - chính trị - ngoại giao - kinh tế - văn hóa với nhau.

Tích hợp trong khoa học địa lí và trong dạy học Địa lí là tích hợp đa tầng và đa chiều, không đơn giản là tích hợp "song phương" giữa Địa lí và một môn học nhất định. Khi học Địa lí, dù ở quy mô các châu lục đến quy mô Việt Nam và các địa phương, HV đều tìm hiểu từ đặc điểm môi trường và tài nguyên thiên nhiên; điều kiện dân cư - xã hội (có thể cả điều kiện về lịch sử, văn hóa, thể chế) cho đến các ngành kinh tế và các trung tâm kinh tế. Những hiểu biết này không để rời rạc, mà đặt trong sự tương tác, ví dụ điều kiện tự nhiên và cơ sở tài nguyên bị biến đổi do khai thác kinh tế và sự biến đổi này tác động trở lại đến nền kinh tế, đến dân cư, quần cư và đến tận thượng tầng kiến trúc; chính sách phát triển sẽ tác động đến sự phân bố dân cư, cơ cấu kinh tế theo ngành và lãnh thổ, môi trường và cơ sở tài nguyên của quốc gia và từng vùng,... Điều này chỉ ra rằng tích hợp nội môn và liên môn trong dạy học Địa lí là rất lớn, có thể vận dụng từ thấp đến cao. Trong mọi trường hợp đều có khả năng thực hiện tích hợp nội môn và điều này làm tăng chất lượng dạy học Địa lí, tăng hứng thú cho HV khi học Địa lí.

b) Tích hợp lịch sử - địa lí trong nội dung cụ thể của chương trình

Sự bổ sung lẫn nhau giữa tư duy lịch sử và tư duy địa lí khi học Lịch sử đòi hỏi HV biết đặt các sự kiện lịch sử trong các bối cảnh địa lí, biết đánh giá tác động của các nhân tố địa lí đối với tiến trình lịch sử. Đối với sự hình thành các xã hội

cổ đại, các vương quốc cổ, đó là các điều kiện cổ địa lí của chính thời đại đó. Vì thế, ngay ở chương trình lớp 6, trong nội dung dạy học về xã hội cổ đại (Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, Ấn Độ cổ đại, Trung Quốc cổ đại, Hy Lạp và La Mã cổ đại), về sự hình thành các vương quốc cổ ở Đông Nam Á, các nhân tố địa lí đã được chọn lọc để giải thích sự hình thành các xã hội cổ đại và các vương quốc cổ này. Việc sử dụng thường xuyên các bản đồ lịch sử trong dạy học sẽ nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử.

Sự bổ sung lẫn nhau giữa tư duy lịch sử và tư duy địa lí đòi hỏi HV khi học Địa lí biết phân tích tầm cỡ ảnh hưởng của các sự kiện lịch sử đối với các quá trình địa lí, phân tích các đối tượng địa lí trong sự vận động và phát triển, biết đặt các phân tích địa lí trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Khi xem xét một hiện tượng địa lí có quá trình hình thành, phát triển, biến đổi, suy thoái là đã thấm nhuần quan điểm lịch sử. Ở lớp 6, với chủ đề "Con người và thiên nhiên", HV bước đầu nhận thức được mối tác động qua lại giữa thiên nhiên và đời sống con người, sự cần thiết phải bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên. Những kiến thức về lịch sử xã hội loài người được khai thác từ các bài Lịch sử đã được lồng ghép ở các bài Địa lí 7 (Đặc điểm dân cư, xã hội, bản đồ chính trị của các châu lục), Địa lí 8 (Biển đảo Việt Nam), và Địa lí 9.

c) Tích hợp theo các chủ đề

Chương trình có một số chủ đề tích hợp giữa lịch sử và địa lí với thời lượng phù hợp ở các lớp. Nội dung các chủ đề này được trình bày cụ thể ở Khoản 6.

d) Kết hợp giáo dục các vấn đề xuyên môn (môi trường, giới, phát triển bền vững,...)

Do bản chất của khoa học địa lí có tính tích hợp cao, nên chương trình môn Lịch sử và Địa lí chứa đựng khả năng tích hợp nhiều chủ đề cần thiết, có tính thời sự và cũng có ý nghĩa lâu dài như giáo dục môi trường, giáo dục dân số, giáo

dục về giới, giáo dục vì sự phát triển bền vững,... Việc tích hợp đúng mức trong giáo dục về các vấn đề có liên quan, khai thác những thế mạnh của địa lí học, sẽ không ảnh hưởng đến giáo dục địa lí, mà ngược lại, làm cho nội dung dạy học địa lí trở nên sinh động, thiết thực, hấp dẫn hơn.

Những nội dung tích hợp này có thể đưa vào địa lí đại cương (lớp 6), địa lí Việt Nam (lớp 8, lớp 9).

4. Dạy học các chủ đề tích hợp lịch sử - địa lí

a) Triển khai chủ đề gắn với từng phân môn, với mức độ kiến thức lịch sử, địa lí khác nhau

Trong Chương trình Lịch sử và Địa lí, phân môn Địa lí chọn cách tiếp cận về không gian, nên chọn cách thiết kế chương trình theo logic đại cương - thế giới - Việt Nam và cuối cùng là địa lí địa phương. Còn Lịch sử chọn cách tiếp cận theo tiến trình lịch sử, nên thiết kế chương trình theo logic nguyên thủy - cổ đại - trung đại - cận đại - hiện đại. Cách làm này khai thác thế mạnh của mỗi phân môn và tuỳ thiết kế của phân môn mà một chủ đề có thể dạy vào thời điểm thích hợp của mỗi phân môn.

b) Triển khai chủ đề tích hợp lịch sử - địa lí

Việc xây dựng chủ đề chung, tích hợp lịch sử - địa lí dựa trên những nội dung gần nhau, giao nhau.

Trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí, các chủ đề được lựa chọn là: Các cuộc đại phát kiến địa lí; Đô thị: Lịch sử và hiện tại; Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Dạy học các chủ đề tích hợp lịch sử - địa lí là tạo ra không gian môn học, ở đó HV có thể vận dụng các khái niệm cơ bản của lịch sử và địa lí, tìm hiểu thêm các tư liệu lịch sử và địa lí dưới sự hướng dẫn của giáo viên, rèn luyện tư duy lịch sử và tư duy địa lí.

- Chủ đề Các cuộc đại phát kiến địa lí: Các cuộc đại phát kiến địa lí có ý nghĩa hết sức to lớn về lịch sử giao thương trên thế giới, trong đó nổi bật là cuộc thám hiểm của Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 -1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 - 1522). Hai cuộc đại phát kiến địa lí này đã mở đầu cho thời kỳ thực dân hóa các vùng đất mới, đánh dấu thời kỳ phát triển mới của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa, và cũng đánh dấu thời kỳ đầu của toàn cầu hóa. Đối với địa lí học, nhờ các phát kiến địa lí cả về sau này (chuyến đi vòng quanh thế giới (1831 - 1836) của nhà bác học Charles Darwin và học thuyết tiến hóa các loài), địa lí học đã bước vào thời kỳ tích luỹ các dữ kiện khổng lồ về Trái Đất, phát triển nền địa lí học hiện đại cũng như các khoa học Trái Đất khác. Các cuộc đại phát kiến địa lí được đề cập ở cả phân môn Địa lí và phân môn Lịch sử, đồng thời được tổ chức thành một chủ đề chung ở lớp 7

- Chủ đề Đô thị: Lịch sử và hiện tại. Chủ đề này được dạy một phần ở lớp 7 và trọng tâm ở lớp 9. Đây là chủ đề được đề cập trong nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, từ cổ đại, trung đại đến cận đại và hiện đại.

Ở lớp 7, HV được học về các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại; các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân (tương ứng với các thời đại lịch sử); đô thị và đô thị hóa (khi học địa lí các châu lục); một số xu hướng đô thị hóa trên thế giới (châu Âu, châu Á, châu Mỹ).

Ở lớp 9, HV được học sâu hơn về đô thị hóa trên thế giới. HV hiểu được rằng các đô thị hiện đại là nơi tập trung quyền lực và các nguồn lực phát triển; đô thị hóa tạo ra động lực mạnh mẽ của sự phát triển, nhưng đô thị hóa không phù hợp có thể làm tăng thêm sự bất bình đẳng trong phát triển vùng; việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy đô thị hóa ở Việt Nam.

- Chủ đề Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long: Chủ đề này được dạy ở lớp 8 và lớp 9. Chủ đề này có nội dung lịch sử và văn hóa nhiều hơn, nhưng tích hợp kiến thức địa lí. Ở lớp 8, HV tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển châu thổ, chế độ nước của các dòng sông chính, quá trình con người khai khẩn và cải tạo, chế ngự tự nhiên cũng như thích ứng với môi trường thiên nhiên, từ đó hình thành nên các nền văn hóa đặc sắc ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. Ở lớp 9, HV hiểu được tại sao ở đồng bằng sông Hồng, ông cha ta chọn việc đắp đê, trị thủy kết hợp thủy lợi (dẫn thủy nhập điền); còn ở đồng bằng sông Cửu Long, ông cha ta lại chọn chung sống với lũ, cùng nhiều vấn đề khác về sự khác biệt của hai nền văn minh châu thổ. HV có dịp tìm hiểu, quan tâm đến tác động của biến đổi khí hậu đối với hai vùng châu thổ, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long.

- Chủ đề Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông: Chủ đề này được thiết kế một phần ở lớp 8 và một phần lớn hơn ở lớp 9. Những nội dung trong chủ đề này đan xen giữa Lịch sử và Địa lí.

Ở lớp 8, HV được nghiên cứu về quá trình các chúa Nguyễn và các vua Nguyễn xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, những bằng chứng về quá trình này, khẳng định “Biển là không gian sinh tồn của dân tộc Việt”.

Ở lớp 9, HV được nghiên cứu tiếp về quá trình thực thi chủ quyền đối với các vùng biển và hải đảo Việt Nam thời hiện đại. Ở góc độ địa lí, HV có các khái niệm cơ bản về các vùng biển và thềm lục địa mà Việt Nam khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, đặc quyền kinh tế theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) và Luật Biển Việt Nam; vai trò chiến lược của hệ thống đảo nước ta trong việc khẳng định chủ quyền và quyền chủ quyền vùng biển và vùng thềm lục địa; cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; vai trò của kinh tế biển trong nền kinh tế Việt Nam hiện đại và trong việc phát huy chủ quyền biển đảo.

5. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lí thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT.

Thiết bị dạy học môn Lịch sử và Địa lí bao gồm một số loại hình như sau:

- Các bản đồ giáo khoa treo tường (về thế giới, các khu vực, Việt Nam) phù hợp với nội dung từng chủ đề của từng lớp học và phù hợp với đặc điểm nhận thức của HV;

- Các tập Atlat địa lí tự nhiên đại cương, Atlat địa lí các châu lục và Atlat địa lí Việt Nam, tập bản đồ lịch sử;

- Mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...;

- Các mẫu vật về tự nhiên;

- Các tranh ảnh (in trên giấy, hình digital tĩnh và động), các sơ đồ, lược đồ, các video clip được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung của từng chủ đề;

- Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; Các tờ bài tập (bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ);

- Các dụng cụ, thiết bị thông thường để quan sát tự nhiên (địa bàn, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế);

- Một số dụng cụ thực hành, thực địa;

- Các thư viện digital chứa các kho tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí;

- Phần mềm dạy học.

Ở những địa phương có điều kiện nên tổ chức các phòng bộ môn.

Việc sử dụng các thiết bị dạy học có mục đích chủ yếu nhằm tạo điều kiện cơ sở vật chất Kỹ thuật để tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm tòi tri thức lịch sử và địa lí của HV một cách tích cực, sáng tạo.

Khuyến khích các giáo viên hướng dẫn HV tự làm các thiết bị dạy học.

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Môn Khoa học tự nhiên là môn học bắt buộc, được dạy ở THCS, giúp HV phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học; hoàn thiện tri thức, kỹ năng nền tảng và phương pháp học tập để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Môn Khoa học tự nhiên được xây dựng và phát triển trên nền tảng các khoa học vật lí, hóa học, sinh học và khoa học Trái Đất. Đối tượng nghiên cứu của Khoa học tự nhiên là các sự vật, hiện tượng, quá trình, các thuộc tính cơ bản về sự tồn tại, vận động của thế giới tự nhiên. Thông qua việc tổ chức các hoạt động thực hành, thí nghiệm, môn Khoa học tự nhiên giúp HV khám phá thế giới tự nhiên, phát triển nhận thức, tư duy logic và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

2. Mục tiêu cụ thể

Môn Khoa học tự nhiên hình thành, phát triển ở HV năng lực khoa học tự nhiên, bao gồm các thành phần: nhận thức khoa học tự nhiên, tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học; đồng thời cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu thiên nhiên, thế giới quan khoa học, sự tự tin, trung thực, khách quan, thái độ ứng xử với thế giới tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hóa, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Khoa học tự nhiên góp phần hình thành và phát triển cho HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học đã được quy định tại phần Những vấn đề chung của Chương trình GDTX cấp THCS.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Khoa học tự nhiên hình thành và phát triển cho HV năng lực khoa học tự nhiên, bao gồm các thành phần: nhận thức khoa học tự nhiên; tìm hiểu tự nhiên; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Những biểu hiện cụ thể của năng lực khoa học tự nhiên được trình bày trong bảng sau:

Thành phần năng lực	Biểu hiện
Nhận thức khoa học tự nhiên	Trình bày, giải thích được những kiến thức cốt lõi về thành phần cấu trúc, sự đa dạng, tính hệ thống, quy luật vận động, tương tác và biến đổi của thế giới tự nhiên. Các biểu hiện cụ thể: - Nhận biết và nêu được tên các sự vật, hiện tượng, khái niệm, quy luật, quá trình của tự nhiên. - Trình bày được các sự vật, hiện tượng; vai trò của các sự vật, hiện tượng và các quá trình tự nhiên bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ,…. - So sánh, phân loại, lựa chọn được các sự vật, hiện tượng, quá trình tự nhiên theo các tiêu chí khác nhau.

Thành phần năng lực	Biểu hiện
	- Phân tích được các đặc điểm của một sự vật, hiện tượng, quá trình của tự nhiên theo logic nhất định. - Tìm được từ khóa, sử dụng được thuật ngữ khoa học, kết nối được thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày các văn bản khoa học. - Giải thích được mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng (quan hệ nguyên nhân - kết quả, cấu tạo - chức năng, ...). - Nhận ra điểm sai và chỉnh sửa được; đưa ra được những nhận định phê phán có liên quan đến chủ đề thảo luận.
Tìm hiểu tự nhiên	Thực hiện được một số kỹ năng cơ bản để tìm hiểu, giải thích sự vật hiện tượng trong tự nhiên và đời sống. Chứng minh được các vấn đề trong thực tiễn bằng các dẫn chứng khoa học. Các biểu hiện cụ thể: - Đề xuất vấn đề, đặt câu hỏi cho vấn đề + Nhận ra và đặt được câu hỏi liên quan đến vấn đề. + Phân tích bối cảnh để đề xuất được vấn đề nhờ kết nối tri thức và kinh nghiệm đã có và dùng ngôn ngữ của mình để biểu đạt vấn đề đã đề xuất. - Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết + Phân tích vấn đề để nêu được phán đoán.

Thành phần năng lực	Biểu hiện
	+ Xây dựng và phát biểu được giả thuyết cần tìm hiểu. - Lập kế hoạch thực hiện + Xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu. + Lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát, thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn, hồi cứu tư liệu, ...). + Lập được kế hoạch triển khai tìm hiểu. - Thực hiện kế hoạch + Thu thập, lưu giữ được dữ liệu từ kết quả tổng quan, thực nghiệm, điều tra. + Đánh giá được kết quả dựa trên phân tích, xử lí các dữ liệu bằng các tham số thống kê đơn giản. + So sánh kết quả với giả thuyết, giải thích, rút ra được kết luận và điều chỉnh khi cần thiết. - Viết, trình bày báo cáo và thảo luận + Sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả tìm hiểu. + Viết được báo cáo sau quá trình tìm hiểu.

Thành phần năng lực	Biểu hiện
	+ Hợp tác được với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải trình, phản biện, bảo vệ kết quả tìm hiểu một cách thuyết phục. - Ra quyết định và đề xuất ý kiến + Đưa ra được quyết định và đề xuất ý kiến xử lí cho vấn đề đã tìm hiểu.
Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về khoa học tự nhiên để giải thích những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và trong đời sống; những vấn đề về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; ứng xử thích hợp và giải quyết những vấn đề đơn giản liên quan đến bản thân, gia đình, cộng đồng. Các biểu hiện cụ thể: - Nhận ra, giải thích được vấn đề thực tiễn dựa trên kiến thức khoa học tự nhiên. - Dựa trên hiểu biết và các cứ liệu điều tra, nêu được các giải pháp và thực hiện được một số giải pháp để bảo vệ tự nhiên; thích ứng với biến đổi khí hậu; có hành vi, thái độ phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

(Xem tiếp Công báo số 139 + 140)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng